

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai
2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: đường N, tổ 2, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2021 nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng N thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Hôn nhân có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Năm 2013, anh và chị T cùng nhau đến tỉnh Bình Dương để lập nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và cách sống cũng như nhận thức vấn đề của hai bên không đồng nhất. Vì vậy, vào năm 2016 cả hai đã thống nhất chia tay. Anh chuyển đến làm việc tại cây xăng Ngọc Hiệp tại đường N, tổ 2, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; còn chị T thì chuyển về sinh sống cùng cha, mẹ ruột của chị T tại Long Xuyên, An Giang cho đến nay.

Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân chỉ còn tồn tại trên mặt pháp lý nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: Ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T;

2/ Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/02/2013. Anh đồng ý giao con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng N, ngày 02 tháng 01 năm 2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T có văn bản trình bày ý kiến:

Chị và anh Nguyễn Hoàng N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2011. Hôn nhân có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/7/2011. Hiện tại do tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/02/2013. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và đồng ý nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng từ anh N.

Giữa chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa ngày 24 tháng 02 năm 2021: Anh Nguyễn Hoàng N, chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hoàng N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T. Chị T có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng N, chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Anh N và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/7/2011. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh N yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và cách sống cũng như nhận thức vấn đề của hai bên không đồng nhất. Hiện tại do tình cảm không còn nên cả hai đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa anh N và chị T; anh, chị lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải để anh, chị đoàn tụ. Đối với yêu cầu ly hôn của anh N, chị T cũng có ý kiến thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ duy trì cuộc hôn nhân của anh, chị. Yêu cầu ly hôn của anh N với chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh N và chị T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/02/2013. Hiện chị T đang nuôi con. Khi ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu và anh N cũng thống nhất để cháu cho chị T nuôi dưỡng. Yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân nên để ổn định cuộc sống, sự phát triển về mọi mặt của cháu Ngân Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi anh N và chị T ly hôn.

Chị T phải tạo điều kiện cho anh N trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng. Đối với yêu cầu về cấp dưỡng của anh N chị T đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh N và chị T trình bày không có. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh N và chị T phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hoàng N với chị Nguyễn Thị Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2011 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp cho Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Thị Kim T vào ngày 28/7/2011 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng N và chị Nguyễn Thị Kim T có một con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/02/2013. Khi ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T phải tạo điều kiện cho anh N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Kim N mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), cho đến lúc cháu Ngân trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 24/02/2021. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng N phải nộp 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Gồm 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ một phần vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009287, ngày 14/01/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Anh N còn phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh N, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Thị Bé Thu